

Số: 68 /2019/CV-KT
"V/v: Giải trình kết quả kinh doanh bị lỗ"

Hải Phòng, ngày 07 tháng 08 năm 2019

Kính gửi : - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại xin giải trình nguyên nhân dẫn đến kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm 2019 bị lỗ như sau:

Trong 6 tháng đầu năm thị trường vận tải biển quốc tế và trong nước vẫn còn gặp rất nhiều khó khăn do tình trạng khan hiếm chân hàng. Chân hàng chủ lực thạch cao từ BangKok về Nghi Sơn bị sụt giảm sản lượng nghiêm trọng do nhu cầu nhập khẩu thạch cao của Nhà máy giảm, chân hàng than xuất khẩu cũng rất ít, nhu cầu vận chuyển hàng hoá giữa các nước trong khu vực không nhiều, cạnh tranh gay gắt trong khi vận tải hàng hoá nội địa không hiệu quả. Mặt khác do ảnh hưởng của thời tiết, thủ tục giao nhận hàng dẫn đến thời gian tàu chờ đợi xếp dỡ hàng tại các cảng bị kéo dài làm tăng thời gian chuyển đi, phát sinh thêm chi phí ngày tàu, kéo dài thời gian quay vòng tàu là nguyên nhân chủ yếu làm sụt giảm doanh thu. Mặt khác, tàu Transco Glory lên đà sửa chữa lớn vào giữa tháng 1/2019 và vướng vào dịp nghỉ lễ Tết nguyên đán nên thời gian sửa chữa kéo dài đến 34 ngày thay vì 22 ngày như những đợt sửa chữa khác làm giảm đáng kể doanh thu của đội tàu. Chính vì vậy tổng doanh thu vận tải biển 6 tháng đầu năm 2019 chỉ đạt 50,5 tỷ đồng, giảm 20,6% so với cùng kỳ năm trước. Giá nhiên liệu và các chi phí đầu vào vẫn duy trì ở mức cao. Giá vốn vận tải biển kỳ này là 53,6 tỷ đồng, giảm 8,37% so với cùng kỳ năm trước. Hoạt động dịch vụ vận tải gặp nhiều khó khăn, mặt hàng thép vận chuyển từ Miền Bắc đi Miền Trung sụt giảm sản lượng do giá cước thấp, không hiệu quả. Mặc dù đã tích cực tìm kiếm nhưng do thị trường cạnh tranh ngày càng gay gắt nên vẫn chưa có thêm được nguồn hàng mới, tuyến vận tải mới có hiệu quả hơn. Doanh thu hoạt động dịch vụ kỳ này là 14,8 tỷ đồng, giảm 35,3% so với cùng kỳ năm trước, giá vốn hoạt động dịch vụ là 14,1 tỷ đồng, giảm 37% so với cùng kỳ năm trước. Chính vì vậy tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ 6 tháng đầu năm 2019 chỉ đạt 65,3 tỷ, giảm 24,5% so với cùng kỳ năm trước. Giá vốn hàng bán là 67,8 tỷ đồng, giảm 16,2% so với cùng kỳ năm trước. Từ những nguyên nhân trên dẫn đến kết thúc 6 tháng đầu năm 2019 hoạt động kinh doanh của Công ty bị lỗ 5,85 tỷ đồng.

Xin trân trọng!

Nơi nhận

- Như k/g
- Lưu KT

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



GIÁM ĐỐC
Lê Tất Hùng

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần đăng ký lần đầu số 0203000006 ngày 31 tháng 03 năm 2000, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi số 0200387594 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp ngày 28 tháng 10 năm 2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 28 tháng 04 năm 2017.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: P.427-430, Toà nhà Thành Đạt 1, Số 3 Lê Thánh Tông, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lê Tất Hưng	Chủ tịch
Ông Vương Ngọc Sơn	Ủy viên
Bà Phạm Thị Anh Thư	Ủy viên
Ông Nguyễn Bảo Trung	Ủy viên
Ông Phan Duy Vân	Ủy viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lê Tất Hưng	Giám đốc
Ông Phan Duy Vân	Phó Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Trần Thị Kim Lan	Trưởng ban
Ông Lê Hồng Quang	Thành viên
Ông Đan Hải Long	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính giữa niên độ cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

P.427-430, Toà nhà Thành Đạt 1, Số 3 Lê Thánh Tông, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc



Lê Tất Hưng

Giám đốc

Hải Phòng, ngày 16 tháng 07 năm 2019

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại được lập ngày 16 tháng 07 năm 2019, từ trang 06 đến trang 33, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại tại ngày 30 tháng 06 năm 2019, và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Y
C
H
T
3
C
1-19

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến "Thuyết minh số 33 - Thông tin khác" trong Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ này. Trong thuyết minh đã mô tả nghĩa vụ thanh toán chưa chắc chắn của Công ty liên quan đến vụ kiện tàu Transco Star.

Vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi kết luận chấp nhận toàn phần nêu trên của chúng tôi.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Phạm Anh Tuấn

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0777-2018-002-1

Hà Nội, ngày 05 tháng 08 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2019	01/01/2019
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		32.287.627.485	35.160.817.251
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	14.011.408.770	14.359.460.783
111	1. Tiền		8.011.408.770	10.359.460.783
112	2. Các khoản tương đương tiền		6.000.000.000	4.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		5.948.770.976	11.127.595.572
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	5.257.130.684	9.768.480.980
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	90.454.973	739.930.408
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	869.386.949	887.385.814
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(268.201.630)	(268.201.630)
140	IV. Hàng tồn kho	8	8.644.035.087	7.182.735.210
141	1. Hàng tồn kho		8.644.035.087	7.182.735.210
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		3.683.412.652	2.491.025.686
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	957.081.021	804.107.659
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		2.622.748.882	1.683.335.278
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	14	103.582.749	3.582.749
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		113.780.498.939	121.780.980.979
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		94.700.000	94.700.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	6	94.700.000	94.700.000
220	II. Tài sản cố định		108.880.641.560	119.838.245.438
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	101.625.345.560	112.582.949.438
222	- Nguyên giá		293.919.333.339	293.919.333.339
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(192.293.987.779)	(181.336.383.901)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	7.255.296.000	7.255.296.000
228	- Nguyên giá		7.255.296.000	7.255.296.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		-	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		4.805.157.379	1.848.035.541
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	4.805.157.379	1.848.035.541
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		146.068.126.424	156.941.798.230

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

P.427-430, Toà nhà Thành Đạt 1, Số 3 Lê Thánh Tông,

Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2019	01/01/2019
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		31.934.346.136	36.780.717.268
310	I. Nợ ngắn hạn		21.129.346.136	21.275.717.268
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	8.263.366.679	8.520.847.962
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	13	2.482.436.581	2.482.436.580
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	12.849.756	24.520.620
314	4. Phải trả người lao động		1.250.568.882	2.798.629.802
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	42.791.667	48.688.750
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	16	195.865.666	301.418.179
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	17	4.600.000.000	4.600.000.000
321	8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	18	3.600.000.000	1.730.000.000
322	9. Quỹ khen thưởng phúc lợi		681.466.905	769.175.375
330	II. Nợ dài hạn		10.805.000.000	15.505.000.000
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	17	10.805.000.000	13.105.000.000
342	2. Dự phòng phải trả dài hạn	18	-	2.400.000.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		114.133.780.288	120.161.080.962
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	114.133.780.288	120.161.080.962
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		86.000.000.000	86.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		86.000.000.000	86.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		5.007.985.000	5.007.985.000
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		8.057.985.173	7.996.557.898
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		15.067.810.115	21.156.538.064
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		20.921.398.059	19.927.992.572
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		(5.853.587.944)	1.228.545.492
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		146.068.126.424	156.941.798.230

(Handwritten signature)

(Handwritten signature)



Phan Thị Nha Trang
Người lập

Trần Thị Thanh Nhạn
Kế toán trưởng

Lê Tất Hưng
Giám đốc

Hải Phòng, ngày 16 tháng 07 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm 2019	06 tháng đầu năm 2018
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	65.399.321.461	86.596.378.543
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		65.399.321.461	86.596.378.543
11	4. Giá vốn hàng bán	22	67.839.616.538	81.016.583.615
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		(2.440.295.077)	5.579.794.928
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23	255.070.323	153.152.392
22	7. Chi phí tài chính	24	807.733.947	1.315.073.718
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		760.881.667	1.281.959.336
25	8. Chi phí bán hàng	25	480.331.442	703.484.115
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	3.349.589.670	3.416.396.220
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(6.822.879.813)	297.993.267
31	11. Thu nhập khác	27	1.216.693.707	328.654.264
32	12. Chi phí khác	28	247.401.838	44.808.627
40	13. Lợi nhuận khác		969.291.869	283.845.637
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(5.853.587.944)	581.838.904
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	29	-	116.367.780
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(5.853.587.944)	465.471.124
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	30	(681)	51



Phan Thị Nha Trang
Người lập

Trần Thị Thanh Nhạn
Kế toán trưởng

Lê Tất Hưng
Giám đốc

Hải Phòng, ngày 16 tháng 07 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu	06 tháng đầu
			năm 2019	năm 2018
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		71.189.829.164	83.417.226.927
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(59.067.831.482)	(62.761.343.195)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(9.299.330.432)	(9.004.404.129)
04	4. Tiền lãi vay đã trả		(766.778.750)	(1.293.974.077)
05	5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(181.022.434)	(110.962.975)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		1.729.380.509	847.804.621
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.770.421.787)	(1.357.930.729)
20	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>		1.833.824.788	9.736.416.443
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
27	1. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		130.445.798	70.160.886
30	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>		130.445.798	70.160.886
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		-	16.866.446.152
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(2.300.000.000)	(19.641.060.068)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	(7.740.000.000)
40	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		(2.300.000.000)	(10.514.613.916)
50	<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</i>		(335.729.414)	(708.036.587)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		14.359.460.783	6.615.403.052
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(12.322.599)	22.516.538
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	14.011.408.770	5.929.883.003



Phan Thị Nha Trang
Người lập

Trần Thị Thanh Nhạn
Kế toán trưởng

Lê Tất Hưng
Giám đốc

Hải Phòng, ngày 16 tháng 07 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần đăng ký lần đầu số 0203000006 ngày 31 tháng 03 năm 2000, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi số 0200387594 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp ngày 28 tháng 10 năm 2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 28 tháng 04 năm 2017.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: P.427-430, Toà nhà Thành Đạt 1, Số 3 Lê Thánh Tông, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 86.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2019 là 86.000.000.000 đồng; tương đương 8.600.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực vận tải biển.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Dịch vụ vận tải hàng hóa và hành khách trong và ngoài nước;
- Dịch vụ đại lý: tàu biển, liên hiệp vận chuyển, giao nhận hàng hóa, môi giới và cung ứng tàu biển;
- Dịch vụ sửa chữa tàu biển;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu;
- Kho bãi và lưu trữ hàng hóa;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước: cung ứng và cho thuê thuyền viên.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính giữa niên độ

Hoạt động kinh doanh của Công ty trong 06 tháng đầu năm 2019 sụt giảm nghiêm trọng so với cùng kỳ năm trước. Trong đó doanh thu hoạt động dịch vụ vận tải hàng hóa và dịch vụ logistic suy giảm đáng kể do các nguyên nhân sau:

- Ảnh hưởng của chiến tranh thương mại giữa Mỹ và Trung Quốc khiến sự cạnh tranh về đơn giá vận tải trên các tuyến mà Công ty đang khai thác giữa các hãng vận chuyển thêm gay gắt.
- Sản lượng xuất khẩu các loại hàng hóa của đối tác thường niên như than, clinker trong năm sụt giảm nghiêm trọng.

Tuy nhiên, Công ty đang có các kế hoạch tái cơ cấu hoạt động kinh doanh, tập trung phát triển mảng dịch vụ vận tải trong nước được dự báo sẽ mang về nguồn thu ổn định hơn trong tương lai.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.5 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.6 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.7 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.8 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- | | |
|-----------------------------------|----------------------|
| - Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 06 - 15 năm |
| - Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 năm |
| - Quyền sử dụng đất lâu dài | Không trích khấu hao |

2.9 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.10 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.11 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.12 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.13 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.14 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.15 . Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ kế toán. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

2.16 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty;
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.17 . Doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu cho thuê hoạt động

Doanh thu cho thuê hoạt động chủ yếu bao gồm doanh thu cho thuê đất được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn cho thuê theo quy định của hợp đồng thuê.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.18 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

2.19 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

P.427-430, Toà nhà Thành Đạt 1, Số 3 Lê Thánh Tông,

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

2.20 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019.

2.21 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.22 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.23 . Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

P.427-430, Toà nhà Thành Đạt 1, Số 3 Lê Thánh Tông,
 Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tiền mặt	663.661.810	426.088.501
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	7.347.746.960	9.933.372.282
Các khoản tương đương tiền	6.000.000.000	4.000.000.000
	14.011.408.770	14.359.460.783

Tại ngày 30/06/2019, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng có giá trị 6.000.000.000 đồng được gửi tại Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Hải Phòng với lãi suất 5,5%/năm.

4 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
- Công ty TNHH Thép Hòa Phát Hưng Yên	578.209.435	-	1.896.636.588	-
- McCoy (Thailand) Co., Ltd	-	-	4.749.629.940	-
- Công ty Sản xuất Thép Úc SSE	1.029.843.157	-	1.081.310.324	-
- Teparak Inter Marine Ltd	2.217.684.840	-	-	-
- Phải thu khách hàng khác	1.431.393.252	(268.201.630)	2.040.904.128	(268.201.630)
	5.257.130.684	(268.201.630)	9.768.480.980	(268.201.630)

5 . TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN CHO NGƯỜI BÁN

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Công ty TNHH MTV Đóng tàu Phà Rừng	-	-	600.000.000	-
- Achi Jaya Transportation SDN, BHD	36.661.291	-	45.880.408	-
- Trả trước cho người bán khác	53.793.682	-	94.050.000	-
	90.454.973	-	739.930.408	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

P.427-430, Toà nhà Thành Đạt 1, Số 3 Lê Thánh Tông,

Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

6 . PHẢI THU KHÁC

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.616.438	-	6.271.233	-
Tạm ứng	798.018.469	-	852.704.134	-
Phải thu khác	67.752.042	-	28.410.447	-
	869.386.949	-	887.385.814	-
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	94.700.000	-	94.700.000	-
	94.700.000	-	94.700.000	-

7 . NỢ XẤU

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	268.201.630	-	268.201.630	-
- Công ty Cổ phần Vận tải Thương mại và Dịch vụ Vận Xuyên	185.771.630	-	185.771.630	-
- Công ty Cổ phần Vật tư Kim khí Tiến Ngọc	82.430.000	-	82.430.000	-
	268.201.630	-	268.201.630	-

8 . HÀNG TỒN KHO

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	8.644.035.087	-	7.182.735.210	-
	8.644.035.087	-	7.182.735.210	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

P.427-430, Toà nhà Thành Đạt 1, Số 3 Lê Thánh Tông,

Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

9 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	293.883.923.908	35.409.431	293.919.333.339
Số dư cuối kỳ	<u>293.883.923.908</u>	<u>35.409.431</u>	<u>293.919.333.339</u>
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	181.300.974.470	35.409.431	181.336.383.901
- Khấu hao trong kỳ	10.957.603.878	-	10.957.603.878
Số dư cuối kỳ	<u>192.258.578.348</u>	<u>35.409.431</u>	<u>192.293.987.779</u>
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	112.582.949.438	-	112.582.949.438
Tại ngày cuối kỳ	<u>101.625.345.560</u>	<u>-</u>	<u>101.625.345.560</u>

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 100.859.399.058 đồng;
- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 189.817.240 đồng.

10 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình của Công ty với tổng giá trị là 7.255.296.000 đồng là quyền sử dụng lâu dài với diện tích đất 595 m² tại thửa đất số 05 lô 2B Khu đô thị mới ngã 5 Sân bay Cát Bi - Đông Khê - Ngô Quyền - Hải Phòng. Tài sản này đang dùng làm tài sản thế chấp cho các hợp đồng vay của Công ty.

11 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí bảo hiểm tàu Transco Star	362.411.301	308.925.839
Chi phí bảo hiểm tàu Transco Sky	344.478.511	295.264.264
Chi phí bảo hiểm tàu Transco Glory	250.191.209	199.917.556
	<u>957.081.021</u>	<u>804.107.659</u>
b) Dài hạn		
Chi phí sửa chữa lớn tàu Tranco Glory	4.541.152.288	-
Chi phí sửa chữa lớn tàu Tranco Sky	264.005.091	1.848.035.541
	<u>4.805.157.379</u>	<u>1.848.035.541</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

P.427-430, Toà nhà Thành Đạt 1, Số 3 Lê Thánh Tông,
Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

12 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN CHO NGƯỜI BÁN

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng	Giá trị	Số có khả năng
	VND	trả nợ	VND	trả nợ
Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- Công ty TNHH MTV VIPCO Hạ Long	1.718.679.600	1.718.679.600	954.965.250	954.965.250
- Fratelli Cosulich Bunkers (HK) Ltd	-	-	1.135.645.840	1.135.645.840
- KPI Bridge Oil Singapore Pte Ltd	-	-	1.627.381.000	1.627.381.000
- Công ty TNHH Hồng Phúc	1.622.842.200	1.622.842.200	-	-
- Công ty TNHH Đóng tàu Phà Rừng	1.462.579.685	1.462.579.685	-	-
- Wongsamut Ocean Shipping Co.,Ltd	1.053.628.125	1.053.628.125	888.139.840	888.139.840
- Phải trả các đối tượng khác	2.405.637.069	2.405.637.069	3.914.716.032	3.914.716.032
	8.263.366.679	8.263.366.679	8.520.847.962	8.520.847.962

13 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
Shengfa Shipping (HongKong) Co., Ltd	2.469.527.757	2.469.527.757
Người mua trả tiền trước khác	12.908.824	12.908.823
	2.482.436.581	2.482.436.580

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

P.427-430, Toà nhà Thành Đạt 1, Số 3 Lê Thánh Tông, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số phải nộp trong kỳ		Số đã thực nộp trong kỳ		Số phải thu cuối kỳ	
	VND		VND		VND		VND		VND	
Thuế Giá trị gia tăng	-	-	-	27.386.203	27.386.203		27.386.203		-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	3.582.749	-	-	81.022.434	81.022.434		181.022.434		103.582.749	-
Thuế Thu nhập cá nhân	-	-	24.520.620	32.400.000	32.400.000		44.070.864		-	12.849.756
Các loại thuế khác	-	-	-	3.000.000	3.000.000		3.000.000		-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	-	41.840.875	41.840.875		41.840.875		-	-
	3.582.749		24.520.620	185.649.512	185.649.512		297.320.376		103.582.749	12.849.756

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

15 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGÂN HẠN

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	42.791.667	48.688.750
	42.791.667	48.688.750

16 . PHẢI TRẢ NGÂN HẠN KHÁC

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	2.830.904	21.899.838
- Bảo hiểm xã hội	85.770	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	49.632	-
- Phải trả lương tạm giữ của thuyền viên đã rời tàu	30.478.969	125.089.994
- Phải trả thuế thu nhập cá nhân thu thừa	104.640.781	104.640.781
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	57.779.610	49.787.566
	195.865.666	301.418.179

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

P.427-430, Toà nhà Thành Đạt 1, Số 3 Lê Thánh Tông, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

17 . VAY

	01/01/2019		Trong kỳ		30/06/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	4.600.000.000	4.600.000.000	2.300.000.000	2.300.000.000	4.600.000.000	4.600.000.000
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hồng Bàng(*)	4.600.000.000	4.600.000.000	2.300.000.000	2.300.000.000	4.600.000.000	4.600.000.000
	4.600.000.000	4.600.000.000	2.300.000.000	2.300.000.000	4.600.000.000	4.600.000.000
b) Vay dài hạn						
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hồng Bàng(*)	17.705.000.000	17.705.000.000	-	2.300.000.000	15.405.000.000	15.405.000.000
	17.705.000.000	17.705.000.000	-	2.300.000.000	15.405.000.000	15.405.000.000
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(4.600.000.000)	(4.600.000.000)			(4.600.000.000)	(4.600.000.000)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	13.105.000.000	13.105.000.000			10.805.000.000	10.805.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠIP.427-430, Toà nhà Thành Đạt 1, Số 3 Lê Thánh Tông,
Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

- (*) Hợp đồng tín dụng số 01/2015-HĐTDDH/NHCT166-TRANSCO ngày 10/07/2015 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hồng Bàng, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 30.905.000.000 đồng;
 - + Mục đích vay: Thanh toán các chi phí hợp lý thuộc dự án đầu tư mua tàu Atago (Transco Glory) trọng tải 8.782 tấn đã qua sử dụng;
 - + Thời hạn của hợp đồng: 7 năm (84 tháng) kể từ ngày giải ngân đầu tiên;
 - + Lãi suất cho vay: là lãi suất thả nổi, định kỳ 3 tháng xác định 1 lần và bằng lãi suất huy động tiết kiệm VND trả lãi sau kỳ hạn 12 tháng hoặc kỳ hạn khác tại thời điểm điều chỉnh lãi suất cộng biên độ 5%/năm. Lãi suất trong năm là 10%/năm;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ là 15.405.000.000 đồng, trong đó số dư nợ gốc phải trả trong năm tới là 4.600.000.000 đồng;
 - + Hình thức đảm bảo khoản vay: tài sản thế chấp là tàu Transco Star, tàu Transco Sky, tàu Transco Glory và quyền sử dụng diện tích đất 595m² tại thửa đất số 05 lô 2B Khu đô thị mới ngã 5 Sân bay Cát Bi - Đông Khê - Ngô Quyền - Hải Phòng theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/TSC-HB/2010 ngày 13/08/2010 và Bản sửa đổi hợp đồng thế chấp tài sản số 01 ngày 31/08/2015; Hợp đồng thế chấp tài sản số 02/TSC-HB/2010 ngày 13/08/2010 và Bản sửa đổi hợp đồng thế chấp tài sản số 01 ngày 31/08/2015; Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2015/TC/NHCT-TRANSCO ngày 30/07/2015.

18 . DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

	<u>30/06/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Dự phòng sửa chữa định kỳ tàu Transco Star	3.600.000.000	-
- Dự phòng sửa chữa định kỳ tàu Transco Glory	-	1.730.000.000
	<u><u>3.600.000.000</u></u>	<u><u>1.730.000.000</u></u>
b) Dài hạn		
- Dự phòng sửa chữa định kỳ tàu Transco Star	-	2.400.000.000
	<u><u>-</u></u>	<u><u>2.400.000.000</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

P.427-430, Toà nhà Thành Đạt 1, Số 3 Lê Thánh Tông, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

19 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	86.000.000.000	5.007.985.000	7.996.557.898	19.927.992.572	118.932.535.470
Lãi trong kỳ trước	-	-	-	465.471.124	465.471.124
Số dư cuối kỳ trước	86.000.000.000	5.007.985.000	7.996.557.898	20.393.463.696	119.398.006.594
Số dư đầu năm nay	86.000.000.000	5.007.985.000	7.996.557.898	21.156.538.064	120.161.080.962
Lỗ trong kỳ này	-	-	-	(5.853.587.944)	(5.853.587.944)
Phân phối lợi nhuận	-	-	61.427.275	(235.140.005)	(173.712.730)
Số dư cuối kỳ này	86.000.000.000	5.007.985.000	8.057.985.173	15.067.810.115	114.133.780.288

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 01/2019/NQ-DHĐCĐ ngày 23/04/2019, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận sau thuế lũy kế đến hết năm 2018 như sau:

	Tỷ lệ	Số tiền
	%	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp chưa phân phối	100,00%	21.156.538.064
Trích Quỹ đầu tư phát triển	0,29%	61.427.275
Chi hội hợp và hoạt động khác của HĐQT	0,47%	100.000.000
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	0,35%	73.712.730
Lợi nhuận sau thuế còn lại chưa phân phối	98,89%	20.921.398.059

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

P.427-430, Toà nhà Thành Đạt 1, Số 3 Lê Thánh Tông,
Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối kỳ VND	Tỷ lệ (%)	Đầu kỳ VND
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	33,49%	28.800.000.000	33,49%	28.800.000.000
Công ty Cổ phần Quản lý quỹ	10,18%	8.759.000.000	10,70%	9.199.000.000
Đầu tư MB				
Công ty Cổ phần Đầu tư Toàn Việt	6,07%	5.216.800.000	5,94%	5.110.800.000
Công ty Cổ phần Transimex	24,94%	21.450.000.000	24,94%	21.450.000.000
Các cổ đông khác	25,32%	21.774.200.000	24,93%	21.440.200.000
	100%	86.000.000.000	100%	86.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	06 tháng đầu năm 2019 VND	06 tháng đầu năm 2018 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	86.000.000.000	86.000.000.000
- Vốn góp đầu kỳ	86.000.000.000	86.000.000.000
- Vốn góp cuối kỳ	86.000.000.000	86.000.000.000

d) Cổ phiếu

	30/06/2019	01/01/2019
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.600.000	8.600.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	8.600.000	8.600.000
- Cổ phiếu phổ thông	8.600.000	8.600.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.600.000	8.600.000
- Cổ phiếu phổ thông	8.600.000	8.600.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
Quỹ đầu tư phát triển	8.057.985.173	7.996.557.898
	8.057.985.173	7.996.557.898

20 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

a) Tài sản cho thuê ngoài

Công ty hiện đang cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 30/06/2019, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng cho thuê hoạt động được trình bày như sau:

	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
- Từ 1 năm trở xuống	168.000.000	336.000.000
	168.000.000	336.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

P.427-430, Toà nhà Thành Đạt 1, Số 3 Lê Thánh Tông,
Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

b) Tài sản thuê ngoài

Công ty thuê văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 30/06/2019, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<u>30/06/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
	VND	VND
- Từ 1 năm trở xuống	608.808.000	285.709.200
- Trên 1 năm đến 5 năm	461.340.000	-
	<u>1.070.148.000</u>	<u>285.709.200</u>

c) Ngoại tệ các loại

	<u>30/06/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
- Đồng đô la Mỹ (USD)	263.701,84	371.510,92

21 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>06 tháng đầu năm 2019</u>	<u>06 tháng đầu năm 2018</u>
	VND	VND
Doanh thu hoạt động vận tải biển	50.500.255.739	63.631.657.093
Doanh thu cung cấp dịch vụ	14.899.065.722	22.964.721.450
	<u>65.399.321.461</u>	<u>86.596.378.543</u>

22 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<u>06 tháng đầu năm 2019</u>	<u>06 tháng đầu năm 2018</u>
	VND	VND
Giá vốn hoạt động vận tải biển	53.644.482.496	58.561.116.523
Giá vốn cung cấp dịch vụ	14.195.134.042	22.455.467.092
	<u>67.839.616.538</u>	<u>81.016.583.615</u>

23 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>06 tháng đầu năm 2019</u>	<u>06 tháng đầu năm 2018</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	127.791.003	70.160.886
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	127.279.320	82.991.506
	<u>255.070.323</u>	<u>153.152.392</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠIP.427-430, Toà nhà Thành Đạt 1, Số 3 Lê Thánh Tông,
Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

24 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	06 tháng đầu năm 2019	06 tháng đầu năm 2018
	VND	VND
Lãi tiền vay	760.881.667	1.281.959.336
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	30.012.616	33.114.382
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	16.839.664	-
	807.733.947	1.315.073.718

25 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	06 tháng đầu năm 2019	06 tháng đầu năm 2018
	VND	VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	480.331.442	703.484.115
	480.331.442	703.484.115

26 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	06 tháng đầu năm 2019	06 tháng đầu năm 2018
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	30.342.514	59.664.729
Chi phí nhân công	2.222.834.440	2.281.677.605
Chi phí khấu hao tài sản cố định	115.920.306	115.920.306
Thuế, phí, lệ phí	20.468.728	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	673.719.254	698.224.627
Chi phí khác bằng tiền	286.304.428	257.908.953
	3.349.589.670	3.416.396.220

27 . THU NHẬP KHÁC

	06 tháng đầu năm 2019	06 tháng đầu năm 2018
	VND	VND
Tiền phạt thu được	923.605.522	317.321.490
Thu nhập khác	293.088.185	11.332.774
	1.216.693.707	328.654.264

28 . CHI PHÍ KHÁC

	06 tháng đầu năm 2019	06 tháng đầu năm 2018
	VND	VND
Khoản thưởng cho xếp dỡ hàng nhanh	89.802.326	44.781.127
Các khoản bị phạt	157.599.512	-
Chi phí khác	-	27.500
	247.401.838	44.808.627

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

P.427-430, Toà nhà Thành Đạt 1, Số 3 Lê Thánh Tông,
Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

29 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	06 tháng đầu năm 2019	06 tháng đầu năm 2018
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(5.853.587.944)	581.838.904
Thu nhập chịu thuế TNDN	(5.853.587.944)	581.838.904
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	116.367.780
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	81.022.434	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	(3.582.749)	60.962.975
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	(181.022.434)	(110.962.975)
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	(103.582.749)	66.367.780

30 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	06 tháng đầu năm 2019	06 tháng đầu năm 2018
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	(5.853.587.944)	465.471.124
Các khoản điều chỉnh:	-	(27.928.267)
- <i>Quỹ khen thưởng phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành</i>	-	(27.928.267)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	(5.853.587.944)	437.542.857
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	8.600.000	8.600.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(681)	51

31 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	06 tháng đầu năm 2019	06 tháng đầu năm 2018
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	21.226.479.194	23.254.050.511
Chi phí nhân công	10.121.555.337	11.749.324.645
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.957.603.878	10.957.603.878
Chi phí dịch vụ mua ngoài	28.074.004.936	37.883.628.482
Chi phí khác bằng tiền	1.289.894.305	1.291.856.434
	71.669.537.650	85.136.463.950

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠIP.427-430, Toà nhà Thành Đạt 1, Số 3 Lê Thánh Tông,
Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

32 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị số kế toán			
	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	14.011.408.770	-	14.359.460.783	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	6.221.217.633	(268.201.630)	10.750.566.794	(268.201.630)
	20.232.626.403	(268.201.630)	25.110.027.577	(268.201.630)
			Giá trị số kế toán	
			30/06/2019	01/01/2019
			VND	VND
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ			15.405.000.000	17.705.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác			8.459.232.345	8.822.266.141
Chi phí phải trả			42.791.667	48.688.750
			23.907.024.012	26.575.954.891

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠIP.427-430, Toà nhà Thành Đạt 1, Số 3 Lê Thánh Tông,
Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/06/2019				
Tiền và các khoản tương đương tiền	14.011.408.770	-	-	14.011.408.770
Phải thu khách hàng, phải thu khác	5.858.316.003	94.700.000	-	5.953.016.003
	<u>19.869.724.773</u>	<u>94.700.000</u>	<u>-</u>	<u>19.964.424.773</u>
Tại ngày 01/01/2019				
Tiền và các khoản tương đương tiền	14.359.460.783	-	-	14.359.460.783
Phải thu khách hàng, phải thu khác	10.387.665.164	94.700.000	-	10.482.365.164
	<u>24.747.125.947</u>	<u>94.700.000</u>	<u>-</u>	<u>24.841.825.947</u>

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

P.427-430, Toà nhà Thành Đạt 1, Số 3 Lê Thánh Tông,

Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2019				
Vay và nợ	4.600.000.000	10.805.000.000	-	15.405.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác	8.459.232.345	-	-	8.459.232.345
Chi phí phải trả	42.791.667	-	-	42.791.667
	13.102.024.012	10.805.000.000	-	23.907.024.012
Tại ngày 01/01/2019				
Vay và nợ	4.600.000.000	13.105.000.000	-	17.705.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác	8.822.266.141	-	-	8.822.266.141
Chi phí phải trả	48.688.750	-	-	48.688.750
	13.470.954.891	13.105.000.000	-	26.575.954.891

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

33 . THÔNG TIN KHÁC

Tháng 01/2015, tàu vận tải Transco Star (đang được cho thuê định hạn) thuộc sở hữu của Công ty đã vận chuyển một lô hàng phân bón trị giá 781.922,5 USD từ cảng Zhapu, Trung Quốc về cảng Quy Nhơn, Việt Nam theo hợp đồng mua bán hàng hóa theo giá FOB giữa người bán (tại Trung Quốc) và người mua (tại Việt Nam). Trong tháng 01/2015, hàng hóa đã được bàn giao cho người mua theo thư cam kết của người mua (Letter of Indemnity). Tuy nhiên, vì nhiều lý do, đến nay người mua vẫn chưa trả tiền hàng cho người bán nên người bán vẫn chưa giao bộ chứng từ hàng hóa cho người mua. Đồng thời, người bán đã gửi đơn kiện Công ty tại Tòa án Hàng hải Ningbo, Trung Quốc về việc bàn giao hàng hóa tại cảng dỡ hàng chỉ dựa trên cam kết của người mua. Theo kết quả phiên xử sơ thẩm của Tòa án vào cuối tháng 11/2016, Công ty (với tư cách là Chủ tàu) bị buộc phải chi trả giá trị lô hàng cho người bán trong trường hợp người mua không trả tiền hàng.

Tuy nhiên, Công ty không chấp nhận phán quyết sơ thẩm trên và đang tiếp tục thông qua luật sư tại Trung Quốc để kháng án lên Tòa án cấp cao hơn do tàu Transco Star đang được cho thuê định hạn, Công ty không trực tiếp ký hợp đồng vận chuyển hàng hóa. Đồng thời, Công ty cũng đã thuê luật sư tại Việt Nam để bằng mọi biện pháp thúc ép người mua hoàn trả lại lô hàng hoặc thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền hàng cho người bán.

Đến ngày 05/07/2017, các bên liên quan đã ký biên bản thỏa thuận: Người mua phải thanh toán 66% giá trị lô hàng cho người bán; 34% giá trị lô hàng sẽ được chia sẻ đóng góp giữa Người bán – Người thuê tàu định hạn – Chủ tàu (Công ty) sau khi người mua thanh toán. Tại biên bản thỏa thuận ký ngày 05/07/2017 giữa ba bên Người bán - Người thuê tàu định hạn - Chủ tàu (Công ty) đã thống nhất như sau: Người bán chịu tổn thất 19% giá trị của lô hàng (USD 148.565,28); Người thuê tàu định hạn phải trả 5% giá trị của lô hàng (USD 39.096,125) và Chủ tàu (Công ty) phải trả 10% giá trị của lô hàng (USD 78.192,25) cho Người bán, việc thanh toán sẽ được thực hiện trong vòng 7 ngày làm việc kể từ ngày Người bán nhận được 66% giá trị lô hàng (USD 516.068,85) từ người mua.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

P.427-430, Toà nhà Thành Đạt 1, Số 3 Lê Thánh Tông,

Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Đến thời điểm 30/06/2019, Công ty vẫn đang thúc giục người mua thực hiện bản thỏa thuận đã ký. Tuy nhiên người mua hàng đang gặp khó khăn về tài chính và trì hoãn việc thanh toán. Công ty đang phối hợp với luật sư của người bán để thông qua các cơ quan chức năng của Việt Nam bằng mọi biện pháp thúc ép người mua hàng thực hiện nghĩa vụ thanh toán. Bên phía người người bán đánh giá lỗi không hoàn toàn nằm ở phía Công ty nên cũng chưa có các động thái mới thúc ép Công ty phải thực hiện theo kết quả sơ thẩm của tòa án. Bên cạnh đó Ban Giám đốc Công ty cũng tìm hiểu khả năng thanh toán của người mua, kết quả tìm kiếm cho thấy người mua vẫn đang hoạt động bình thường, cũng như chưa từng có lịch sử nợ xấu trong hệ thống Ngân Hàng Việt Nam. Ban Giám đốc tin tưởng rằng với sự phối hợp giữa Công ty, người bán và cơ quan chức năng 2 nước Việt Nam, Trung Quốc thì người bán sẽ thu hồi được khoản công nợ này và bãi bỏ vụ án cho Công ty.

34 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THỨC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

35 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động vận tải biển VND	Hoạt động kinh doanh dịch vụ VND	Tổng cộng toàn doanh nghiệp VND
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	50.500.255.739	14.899.065.722	65.399.321.461
Chi phí bộ phận trực tiếp	53.644.482.496	14.195.134.042	67.839.616.538
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(3.144.226.757)	703.931.680	(2.440.295.077)
Tài sản bộ phận trực tiếp	120.496.298.989	10.790.855.725	131.287.154.714
Tài sản không phân bổ	-	-	14.780.971.710
Tổng tài sản	120.496.298.989	10.790.855.725	146.068.126.424
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	30.345.740.863	903.838.368	31.249.579.231
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	684.766.905
Tổng nợ phải trả	30.345.740.863	903.838.368	31.934.346.136

Theo khu vực địa lý

	Trong nước VND	Quốc tế VND	Tổng cộng toàn doanh nghiệp VND
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	21.605.522.585	43.793.798.876	65.399.321.461
Tài sản bộ phận	10.298.998.533	2.466.335.166	12.765.333.699
Tài sản không phân bổ	-	-	133.302.792.725



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠIP.427-430, Toà nhà Thành Đạt 1, Số 3 Lê Thánh Tông,
Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

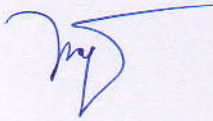
36 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	06 tháng đầu năm 2019	06 tháng đầu năm 2018
	VND	VND
Thu nhập của Giám đốc	222.165.448	215.917.306
Thu nhập của thành viên khác trong Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị	214.354.414	216.639.615

37 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ và thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018.



Phan Thị Nha Trang
Người lập



Trần Thị Thanh Nhạn
Kế toán trưởng




Lê Tất Hưng
Giám đốc



Hải Phòng, ngày 16 tháng 07 năm 2019